TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày: 21.5.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Tuân.
+ Ông Trần Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21.5.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2019/TLST-HS, ngày 10.4.2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 09/5/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày: 22/8/1991; tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 108 phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; Chổ ở hiện nay: Số 1 đường N, phường M, quận C, TP Đà Nẵng.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông: Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H (*đều đã chết*); Bị cáo có chồng: Phan Nguyễn Mạnh T; sinh năm 1990 (đã ly hôn); có 03 con: Phan Nguyễn Bảo N (sinh năm 2010); Phan Nguyễn Bảo N (sinh năm 2012) và một con sinh ngày 03/3/2018 (chưa đăng ký khai sinh).

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án: Ngày 16/8/2016 bị TAND Q. Hải Châu xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 82/2016/HSST.

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

- *Người bị hại:*

+ Ông Nguyễn Anh T - sinh năm: 1980- Đại diện hộ kinh doanh Dịch vụ cầm đồ; Địa chỉ: Số 62 đường K, phường T, quận K, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị Khánh H, sinh năm 1989; Địa chỉ: 62 đường K, tổ 29 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1995. Địa chỉ: 120 đường T, tổ 88 phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: 51 đường Đ, phường A, quận L, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Linh G, sinh năm: 1997. Địa chỉ: K41/7 đường Đ, phường A, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Ông Đặng Quang B, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Tiểu Khu 1, thị trấn T, huyện P, Tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

4. Ông Lê H, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Tổ 1C, phường B, quận T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. Ông Trần Quốc H, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

6. Ông Đào Duy A, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Số 339/2 đương V, tổ 40 phường H, quận K, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có phương tiện để đi làm nên Nguyễn Thị T đến tiệm cầm đồ "*Đại Tín*" do ông Nguyễn Anh T là đại diện cho hộ kinh doanh ủy quyền cho chị Phan Thị Khánh H quản lý để thuê xe máy. Trong quá trình sử dụng xe vì nợ tiền của người khác nên T đã chiếm đoạt xe đem thế chấp trả nợ. Khi hết thời hạn, không thấy T đến thanh toán và trả xe nên ngày 27/7/2018 chị H đến Công an phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê trình báo sự việc. Cụ thể hành vi phạm tội của T như sau:

Vào ngày 05/5/2018, Nguyễn Thị T đến tiệm cầm đồ "Đại Tín" gặp chị H để làm hợp đồng thuê một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đỏ đen BKS: 43X6-0744 của chị H để sử dụng làm phương tiện đi lại. Khi thuê xe, T đặt cọc số tiền 1.000.000đ và chị H giữ lại chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T. Quá trình sử dụng, T đã 03 (ba) lần trả tiền thuê xe cho chị H vào các ngày 22/5/2018, 02/6/2018 và ngày 03/7/2018 với tổng số tiền là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Do trước đây T có nợ số tiền 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) của Nguyễn Nhật T và T liên tục đòi nợ mà T không có tiền nên ngày 18/6/2018, T đã thế chấp xe mô tô trên cho T để trả nợ và mượn thêm 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Ngày 17/8/2018, T giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê xác định giá trị xe mô tô BKS: 43X6-0744 bị chiếm đoạt là 12.800.000đ (*mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Vào ngày 23/6/2018 do cần có phương tiện đi làm để trả tiền thuê xe cho chị Phan Thị Khánh H nên T đã nhờ Nguyễn Văn G đến tiệm cầm đồ "Đại Tín" làm hợp đồng thuê một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ-đen BKS: 92E1-210.69 của chị H. Khi thuê xe, G đặt cọc số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*) và chị H giữ lại chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn G, sau đó G giao xe lại cho T. Trong quá trình sử dụng, do trước đây T có nợ số tiền 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) của Nguyễn Linh G và G liên tục đòi nợ nên khoảng đầu tháng 7/2018 T đã thế chấp xe mô tô trên cho G để trả nợ. Ngày 17/8/2018, G giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê xác định giá trị xe mô tô BKS: 92E1-210.69 bị chiếm đoạt là 9.200.000đ (*chín triệu hai trăm nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thị T chiếm đoạt của tiệm cầm đồ Đại Tín là 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*).

Ngoài ra, vào ngày 13/6/2018 Đào Duy A được Nguyễn Thị T giới thiệu đến tiệm cầm đồ "Đại Tín" thuê một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh trắng BKS: 74C1-197.12 để làm phương tiện đi lại. Khi thuê xe, Duy A để lại chứng minh nhân dân và đặt cọc số tiền 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) để làm tin. Hết thời hạn không thấy Đào Duy A đến trả xe như thỏa thuận nên chị H liên lạc và được biết Duy A muốn thuê xe thêm vài ngày nữa, sẽ trả tiền sau thì chị H đồng ý. Ngày 10/7/2018, Duy A nhờ bạn tên là S (k*hông rõ nhân thân, lai lịch*) đến gặp chị H đưa số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*) để trả giúp tiền thuê xe cho Duy A. Sau đó thấy Duy A chậm trả tiền nên chị H gọi điện thoại yêu cầu Duy A đến thanh toán tiền và trả xe. Thời điểm này Duy A sử dụng phương tiện đi làm xa nên khất hẹn. Đến ngày 17/8/2018, Duy A nhờ bạn tên là E *(*k*hông rõ nhân thân, lai lịch*) đem xe mô tô BKS: 74C1-197.12 đến trả cho chị H. Ngày 23/8/2018, chị H giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thanh Khê xác định giá trị xe mô tô BKS: 74C1-197.12 là 23.600.000đ (*hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).*

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS, ngày 03.4.2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Thị T về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên nội dung quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đồng thời: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Xử lý vật chứng: Xe mô tô BKS: 43X6-0744 do anh Lê H đứng tên chủ sở hữu; xe mô tô BKS: 92E1-210.69 do anh Trần Quốc H đứng tên chủ sở hữu. Anh Quốc H và anh Lê H cầm cố các xe trên cho tiệm cầm đồ Đại Tín, hết thời hạn nên tiệm đã thanh lý xe. Ngày 20/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê đã trả lại 02 (*hai*) xe mô tô này cho chị Phan Thị Khánh H là đúng pháp luật nên VKS không đề cập đến.

Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Phan Thị Khánh H đại diện cho hộ kinh doanh tiệm cầm đồ Đại Tín yêu cầu bị cáo và Nguyễn Văn G trả tiền thuê xe còn thiếu là 13.000.000 đồng. Bị cáo chấp nhận như yêu cầu của người bị hại và tự nguyện trả thay cho Nguyễn Văn G toàn bộ số tiền mà người bị hại yêu cầu là 13.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện thỏa thuận giữa người bị hại và bị cáo là không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình điều tra đại diện cho người bị hại chị Phan Thị Khánh H yêu cầu Đào Duy A trả số tiền thuê xe còn thiếu là 15.800.000 đồng; Tuy nhiên, tại phiên tòa

người bị hại không yêu cầu trong vụ án này mà sẽ có yêu cầu bằng một vụ án khác nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị T đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" như cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] *Xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy*: Xuất phát từ việc không có phương tiện đi làm nên T đến tiệm cầm đồ Đại Tín để thuê xe máy đi làm. Trong quá trình sử dụng xe vì trước đây T có nợ tiền của Nguyễn Nhật T nên ngày 18/6/2018 T đã nảy sinh ý định thế chấp xe mô tô cho T để trả nợ và mượn thêm 3.000.000 đồng; Ngoài ra, vào ngày 23/6/2018 do cần có phương tiện đi làm để trả số tiền thuê xe nói trên cho Tiệm cầm đồ Đại Tín nên T lại tiếp tục thuê xe, lần này T nhờ Nguyễn Văn G đến tiệm cầm đồ Đại Tín làm Hợp đồng thuê xe Honda Wave sau đó G giao xe lại cho T sử dụng, trong quá trình sử dụng do T có nợ tiền Nguyễn Linh G nên T đã thế chấp xe mô tô trên cho G để trả nợ, T đã nói dối T và G là xe của gia đình. Trị giá hai chiếc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Như vậy, sau khi làm hợp đồng thuê xe mô tô của tiệm cầm đồ Đại Tín. Do nợ tiền người khác nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt hai xe mô tô nói trên để trả nợ, bằng hình thức thế chấp xe cho T và G trừ số tiền nợ mỗi người 7.000.000 đồng và còn mượn thêm 3.000.000 đồng, giá trị tài sản chiếm đoạt là 22.000.000 đồng, thuộc trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 điều 175 BLHS "Thuê tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản đó".

[4] Bị cáo Nguyễn Thị T đang trong độ tuổi lao động có đầy đủ sức khoẻ và khả năng lao động bình thường, đáng lẽ phải kiếm sống bằng chính sức lao động của mình nhưng do có nợ tiền nhiều người nên bị cáo đã lạm dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ mang đi trừ nợ. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm

phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn thành phố nói chung và quận Thanh Khê nói riêng. Bị cáo có khả năng nhận thức hành vi của mình là nguy hiểm, biết rõ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện nên bị cáo phải chịu hậu quả pháp lý do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo T thì thấy:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về những hành vi sai trái mà mình đã gây ra, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội và có một tiền án vào năm 2016 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, do đó cần tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, do đó đối với bị cáo cũng cần phải xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành một công dân lương thiện.

Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê về tội danh và các điều luật áp dụng cũng như mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa bà Phan Thị Khánh H đại diện cho hộ kinh doanh tiệm cầm đồ Đại Tín yêu cầu bị cáo và Nguyễn Văn G trả tiền thuê xe còn thiếu là 13.000.000 đồng. Bị cáo chấp nhận như yêu cầu của người bị hại và tự nguyện trả thay cho Nguyễn Văn G toàn bộ số tiền mà người bị hại yêu cầu là 13.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, thời gian trả vào ngày 21 hàng tháng cho đến khi hết số tiền nêu trên. Xét sự tự nguyện thỏa thuận giữa người bị hại và bị cáo là không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc T có giới thiệu cho Đào Duy A đến thuê xe của tiệm cầm đồ Đại Tín, đến hạn Hợp đồng A đã trả lại xe cho ông Nguyễn Anh T và chưa trả đủ số tiền thuê xe, quá trình điều tra đại diện cho người bị hại chị Phan Thị Khánh H yêu cầu Đào Duy A trả số tiền thuê xe còn thiếu là 15.800.000 đồng; tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu trong vụ án này mà sẽ có yêu cầu bằng một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không đề cập đến, đồng thời đây là giao dịch dân sự giữa tiệm cầm đồ Đại Tín và Đào Duy A, không liên quan đến bị cáo T nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này mà ông Nguyễn Anh T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Đã được giải quyết trong quá trình điều tra là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] *Các vấn đề khác:* Đối với Nguyễn Văn G được Nguyễn Thị T nhờ đi thuê xe mô tô giúp để sử dụng làm phương tiện đi lại cá nhân. G không biết việc T sử dụng xe mang đi thế chấp cho người khác để trả nợ nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

[9] Án phí HSST bị cáo phải chịu 200.000 đồng. Án phí DSST bị cáo phải chịu trên số tiền phải trả thay cho Nguyễn Văn G và ông Nguyễn Anh T là: 13.000.000 đồng x 5% = 650.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị T 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 606 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại về việc trả số tiền thuê xe còn thiếu như sau:

Bị cáo trả cho người bị hại Nguyễn Anh T số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), mỗi tháng trả 2.000.000 đồng; thời gian trả vào ngày 21 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi hết số tiền nêu trên (số tiền trên đã bao gồm số tiền bị cáo tự nguyện trả thay cho Nguyễn Văn G).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí HSST: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) và Án phí dân sự sơ thẩm: 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) bị cáo phải chịu.

Án xử sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và những người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày Toà án niêm yết trích sao kết quả phiên toà.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thỡ người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Lưu Thị Hằng

Nơi nhận:
- Viện KSND q.Thanh Khê;
- Viện KSND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an q.Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS q.Thanh Khê;
- Chi cục THADS q.Thanh Khê;
- Tòa án NDTP Đà Nẵng;
- Bị cáo; người bị hại; Người liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.